

CƠ SỞ TRIẾT HỌC CỦA *CHU DỊCH* TRONG *HOÀNG ĐẾ NỘI KINH*

Phạm Quỳnh^(*)

(*) Tiến sĩ, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Email: phamquynh.phd@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết khảo sát cơ sở triết học của *Chu dịch* (周易) trong *Hoàng đế nội kinh* (黄帝内经) – một tác phẩm kinh điển đặt nền móng cho y học cổ truyền. Thông qua phân tích các mô-đun triết học (Âm – dương, Ngũ hành, Thiên – nhân hợp nhất, Tượng – số), bài viết cho thấy *Hoàng đế nội kinh* đã “y học hóa” (medicalization) các nguyên lý của Dịch học, từ vũ trụ luận đến nhân thể luận, đóng góp vào hiểu biết về triết học Trung Hoa tiền hiện đại như một hình thức hệ thống luận sơ khai, đồng thời gợi mở phương pháp luận cho nghiên cứu hiện đại về Y học cổ truyền.

Từ khóa: *Chu dịch*, *Hoàng đế nội kinh*, âm dương, ngũ hành, thiên – nhân hợp nhất, tượng – số.

Ngày nhận bài: 16/09/2025; ngày phản biện: 17/09/2025; ngày sửa chữa: 22/10/2025; ngày duyệt đăng: 25/11/2025.

1. Mở đầu

Trong lịch sử tư tưởng Trung Hoa, *Chu dịch* và *Hoàng đế nội kinh* là hai kinh điển đặt nền tảng cho cách hiểu vũ trụ – con người như một chỉnh thể. *Chu dịch* kiến tạo mô hình từ Thái cực – Lưỡng nghi – Tứ tượng – Bát quái, cung cấp một ngôn ngữ triết học và nhận thức luận về biến dịch vạn vật. *Hoàng đế nội kinh* liên kết con người với tự nhiên → quan niệm về hệ thiên – nhân, liên kết hình – khí với âm – dương – ngũ hành, từ đó nổi tổ chức cơ thể với các “tượng” để thành hệ tạng tượng – kinh lạc (Xem: Tôn Khả Hưng và cộng sự 2015: 76). Từ đây, *Hoàng đế nội kinh* triển khai các hệ khái niệm (tạng – tượng, kinh lạc, khí huyết, ngũ vận lục khí,...) để giải thích sinh lý và bệnh lý, thể

hiện rõ sự vận dụng Dịch học vào y học.

Nhiều tác giả đã xác lập mối liên hệ trực tiếp giữa Dịch học và y học cổ truyền: “Lý luận y học cổ truyền là sự ứng dụng các lý thuyết Âm – dương, Ngũ hành và Khí của Chu dịch” (Hoàng Kiến Cương 2020: 175). Các thiên, như *Ngũ vận hành đại luận*, *Ngũ tạng sinh thành luận*, *Kinh mạch*,... lần lượt trình bày một mạng lưới khái niệm kết nối thiên thời – địa lợi – nhân thân.

2. Khái quát về *Hoàng đế nội kinh*

Hoàng đế nội kinh là bộ y điển cổ nhất hiện còn tồn tại, là tập đại thành y học trước thời Chiến Quốc, là sự tổng kết của rất nhiều tác phẩm y học trước thời Chiến Quốc. Các tài liệu cổ mà *Hoàng đế nội kinh* trích dẫn có khoảng hơn 50 loại.

Trong số đó, có 16 loại còn lưu giữ được tên sách và nội dung cơ bản, tạo thành hệ thống lý luận y học cổ đại. Về tác giả, *Hoàng đế nội kinh* chắc chắn không phải do Hoàng đế (黄帝) sáng tác, mà hoàn toàn do hậu nhân ngụ thác. Đây là một nét văn hóa Trung Quốc cổ đại, đặt tên “Hoàng đế” nhằm mục đích truy nguyên tôn bản (溯源崇本)¹, từ đó giải thích văn hóa y được đã phát triển từ rất sớm. *Hoàng đế nội kinh* không phải là tác phẩm do một người viết trong một thời gian. Kết quả nghiên cứu văn bản học cho thấy, việc ghi chép thành sách diễn ra vào thời Chiến Quốc, một số thiên chương riêng lẻ được hình thành vào thời Lưỡng Hán. Ngoài ra, có một số thiên được các nhà văn bản học xác định là từ thời Đường – Tống ghép thêm vào. Ví dụ: một số nội dung trong *Hoàng đế nội kinh* chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng về tượng và số trong Hà đồ, Lạc thư, nhưng trên thực tế Hà đồ, Lạc thư là sản phẩm của thời Hán².

Kết cấu của *Hoàng đế nội kinh* gồm hai phần lớn: *Tổ vấn* (素问) (gồm 81 chương) và *Linh khu* (灵枢) (81 chương). Tên gọi *Tổ vấn* có nguồn gốc: “Phàm vật hữu hình đều sinh ra từ vô hình, nên có thái dịch, có thái sơ, có thái thủy, có thái tố. Thái Dịch là khi chưa thấy khí; Thái Sơ là khi khí bắt đầu; Thái Thủy là khi hình thể bắt đầu; Thái Tố là khi chất thể bắt đầu” (Xem: Vương Hồng Đò 2002: 5). Khí, hình, chất đầy đủ mà bệnh tật do đó mà nảy sinh. Cho nên, Hoàng Đế hỏi về cái chất thái tố này ngay từ ban đầu. Tên gọi *Tổ vấn* có lẽ có nghĩa từ đây. Con người là thể sống bao gồm khí, hình, chất, khó tránh khỏi những bệnh tật lớn nhỏ khác nhau

phát sinh, nên dùng hình thức vấn đáp để làm rõ, đây chính là ý nghĩa nguyên thủy của *Tổ vấn*. Dương Thượng Thiện thời Tùy khi chỉnh lý *Nội kinh* đã gọi là *Hoàng đế nội kinh thái tố* (Xem: Vương Hồng Đò 2016: 7).

Linh khu (灵枢) ban đầu được gọi là *Châm kinh*. Tên gọi *Linh khu* xuất hiện lần đầu trong lời tựa *Tổ vấn* và các chú thích về *Tổ vấn* của Vương Băng (王冰). Ý nghĩa của tên gọi *Linh khu* được Mã Hồng (马翊) lý giải: “Linh khu: chính là vì “khu/xu” (then cửa) là nơi cánh cửa đóng mở, còn “linh” (linh thiêng) là lời ca tụng sự chí thần chí huyền. Cuốn sách này quan trọng như vậy, có gì khác biệt đâu?”³.

Các y gia trải qua nhiều triều đại đã nghiên cứu *Hoàng đế nội kinh* bằng phương pháp phân loại. Trong số đó, Dương Thượng Thiện (杨上善) phân loại phức tạp nhất, chia thành 18 loại; đơn giản nhất là Thẩm Hựu Bành (沈又彭), chia thành 4 quyển. (Xem: Vương Hồng Đò 2002: 7, 8). Các nhà y học tương đối nhất quán khi cho rằng hệ thống lý luận của *Hoàng đế nội kinh* bao gồm bốn học thuyết lớn: Tạng

1 *Hoài Nam Tử - Tu vụ huấn* (淮南子·修务训) đã chỉ ra rằng: “Thế tục chỉ nhân đa tôn cổ nhi tiện kim, cố vi đạo giả tất thác chi ư Thần Nông Hoàng Đế nhi hậu năng nhập thuyết” (世俗之人多尊古而贱今，故为道者必托之于神农黄帝而后能入说).

2 *Chu dịch bản nghĩa* của Chu Hy viết: Thái Nguyên Định nói, hình vẽ Đồ thư có từ thời Khổng An Quốc, Lưu Hâm đời Hán, Quan Lăng Tử Minh đời Ngụy, Khang Tiết tiên sinh Thiệu Ung, Nghiêu Phu đời Tống đều nói như vậy... (Xem: Trương Thiện Văn 1997: 661)

3 “Linh khu giả, chính dĩ xu vi môn hộ hạp bế sở hệ, nhi linh nãi chí thần chí huyền chi xưng. Thư thư chi thiết, hà dĩ dị thị?” (《灵枢》者，正以枢为门户阖辟所系，而灵乃至神至玄之称。此书之切，何以异是?)

tượng (脏象) (bao gồm Kinh lạc - 经络), Bệnh cơ (病机), Chẩn pháp (诊法) và Trị tắc (治则). Bốn học thuyết lớn này là nội dung chủ yếu của hệ thống lý luận trong *Hoàng đế nội kinh*.

3. Những nguyên lý triết học của Chu dịch trong Hoàng đế nội kinh

3.1. Âm – dương: Nguyên lý biện chứng đối đãi – chuyển hóa

Chu dịch - Hệ từ thượng viết: *Thị cổ Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái, Bát quái định cát hung*. Cho nên *Dịch* có Thái cực, sinh ra Lưỡng nghi; Lưỡng nghi sinh Tứ tượng; Tứ tượng sinh Bát quái; từ Bát quái suy đoán cát hung (Xem: Hoàng Thọ Kỳ và cộng sự 1999: 1236). Nội dung trên cho thấy, *Chu dịch* vừa là biểu tượng vũ trụ luận vừa là phương pháp luận: từ đơn → phân hóa → khái quát hóa - đặc trưng cho tư duy hệ thống tiên - khoa học. Truyền thống chú giải cho thấy, đây là mô hình phát sinh – phân hóa – tái hợp của trật tự vũ trụ, qua đó thiết lập ngôn ngữ luận lý cho khái niệm đối đãi – chuyển hóa (Âm – dương) và tương ứng – quy loại (Bát quái).

Ngay mở đầu, *Hoàng đế nội kinh* – *Tổ vấn* – *Âm dương ứng tượng đại luận* khẳng định: *Âm dương giả, thiên địa chi đạo dã, vạn vật chi cương kỷ, biến hóa chi phụ mẫu, sinh sát chi bản thủy, thần minh chi phủ dã* (Âm - Dương là đạo của trời đất, là giềng mối của muôn vật, cha mẹ của biến hóa, gốc của sinh diệt, nơi thần minh nương tựa) (Xem: *Hoàng đế Nội kinh*, Tô vấn 2005). Lý luận âm dương của *Hoàng đế nội kinh* đã kế thừa nội hàm và mối quan hệ âm - dương, tính

đối đãi, tính hỗ căn, tính chuyển hóa và tính bao hàm lẫn nhau của âm - dương được biểu đạt trong *Chu dịch*. Âm - Dương là tiền đề biện chứng cho mọi giải thích sinh lý - bệnh lý trong *Hoàng đế nội kinh*. Nguyên lý này trực tiếp kế thừa tư tưởng *Chu dịch*. *Chu dịch* tổng quát hóa: *Nhất âm nhất dương chi vị Đạo* (Một âm một dương gọi là Đạo) (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tô vấn 2005). *Chu dịch* đặt chuẩn tắc cho mọi mô tả biến dịch. Trong *Hoàng đế nội kinh*, mệnh đề tương ứng: *Âm dương giả, thiên địa chi đạo dã...* (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tô vấn 2005) cho phép nội suy từ đối đãi (âm/dương, hư/thực, biểu/lý) đến hồi quy cân bằng (hòa – bình – điều) trong chẩn trị. Theo đó, *Hoàng đế nội kinh* phản ánh trực tiếp mô thức nhận thức của *Chu dịch* và cách thức tư duy của *Hoàng đế nội kinh* đều khởi nguồn từ *Chu dịch*.

Trong *Hoàng đế nội kinh*, tần suất xuất hiện của từ “thiên địa” rất cao. Khi bàn về âm dương, sinh mệnh, lục khí, dưỡng sinh, không có một đoạn văn hay bài văn nào không đặt từ “thiên địa” ở đầu, coi hoạt động sinh mệnh nằm giữa trời đất để nhận thức, từ cấu trúc, quy luật, thuộc tính và mối quan hệ của trời đất để nhận thức nội hàm và mối quan hệ của hoạt động sinh mệnh, thậm chí là âm dương. Đây là hạt nhân học thuật quan trọng của lý luận *Hoàng đế nội kinh*, và tư tưởng cốt lõi này có nguồn gốc từ *Chu dịch*. *Hoàng đế Nội kinh* xem xét hoạt động sinh mệnh của con người trong mối quan hệ giữa trời đất, cho rằng tất cả các sinh mệnh đều có nguồn gốc từ sự hòa hợp của khí trời đất. Ví dụ, *Hoàng đế nội kinh* – *Tổ vấn* – *Bảo mệnh toàn hình luận* viết: “Nhân dĩ thiên

địa chi khí sinh, tứ thời chi pháp thành” (Người sinh ra bởi khí trời đất, hình thành theo quy luật bốn mùa); “Phu nhân sinh ư địa, huyền mệnh ư thiên, thiên địa hợp khí, mệnh chi viết nhân” (Con người sinh ra ở đất, mệnh phụ thuộc vào trời, trời đất hợp khí, gọi đó là người). *Hoàng đế nội kinh – Tổ vấn – Thiên nguyên kỷ đại luận* viết: “Tại thiên vi khí, tại địa thành hình, hình khí tương cảm, nhi hóa sinh vạn vật” (Trên trời là khí, dưới đất thành hình, hình khí cảm ứng lẫn nhau, mà hóa sinh vạn vật) v.v., đều lặp đi lặp lại diễn đạt lý luận này. Điều này nhấn mạnh rằng sinh mệnh con người có nguồn gốc từ khí trời đất, hoạt động sinh mệnh của con người mới có và trời đất, cũng như vạn vật tự nhiên do trời đất sinh ra, có một số thuộc tính giống nhau hoặc tương tự, bao gồm quy luật giống nhau, cấu trúc giống nhau và mối quan hệ tương thông lẫn nhau giữa con người và vạn vật tự nhiên, từ đó trở thành bối cảnh cơ bản cho sự hình thành tư tưởng học thuật thiên nhân hợp nhất của *Hoàng đế nội kinh*. Có thể nói, trời đất là cánh cửa của y học. Các chương tập trung trình bày lý luận âm dương cũng đặt trời đất lên hàng đầu trong các lý lẽ, ví dụ *Hoàng đế nội kinh – Tổ vấn – Âm dương ứng tượng đại luận* viết: “Âm dương giả, thiên địa chi đạo dã” (Âm dương, là đạo của trời đất), “Thanh dương vi thiên, trọc âm vi địa” (Thanh dương là trời, trọc âm là đất), “Tích dương vi thiên, tích âm vi địa” (Tích dương là trời, tích âm là đất), “Thiên địa giả, vạn vật chi thượng hạ dã” (Trời đất, là trên dưới của vạn vật). Việc nhận thức cơ thể người, nhận thức âm dương dựa trên đặc tính vận hành của trời đất và thuộc tính của âm dương trời đất

là tư tưởng quan trọng mà *Hoàng đế nội kinh* kế thừa từ *Chu dịch*.

3.2. **Quái tượng, ngũ hành: Từ nguyên lý phân loại tự nhiên đến khung chẩn trị**

Phương pháp tư duy thủ tượng loại suy là phương pháp tư duy truyền thống được kế thừa từ thời cổ đại. *Dịch truyện* (易传) cho rằng, sự sản sinh của tám quẻ là kết quả của việc thủ tượng. Phục Hy (伏羲) họa tám quẻ (八卦) lúc: “Ngẩng lên thì quan sát tượng trên trời, cúi xuống thì quan sát phép tắc dưới đất, quan sát văn vẻ của chim muông và sự thích nghi của đất đai, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở các vật, do đó mới bắt đầu làm ra tám quái” (《系辞下》). *Hệ từ hạ* (系辞下) làm rõ khái niệm “thủ tượng” (取象): “Dịch, là tượng vậy, tượng hướng mà nhỏ, nhỏ mà có tượng..... tên của nó nhỏ, mà loại nó lấy thì lớn”), nghĩa là quái tượng (卦象) là khái quát từ vật tượng cụ thể, quái tượng sau khi sản sinh, không còn đại biểu cho vật tượng cụ thể đó, mà có thể khái quát các sự vật cùng loại. Quái tượng được coi là ký hiệu trừu tượng của logic, ứng dụng của nó nên được mở rộng tối đa. Căn cứ vào nguyên tắc “Phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân” - Phương theo loại mà tụ, vật theo nhóm mà phân”, dùng ký hiệu đơn giản để giúp người ta lấy “dĩ loại thôi vật - lấy loại để suy ra vật”). Phân biệt “dị” (异) - đặc tính của sự vật, lại thống nhất “loại” (类) - khái quát tính chung của sự vật. Ký hiệu tuy đơn giản, công dụng lại rất lớn. Có thể “bao quát thiên địa chi hóa nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di - Bao quát sự biến hóa của trời đất mà không vượt quá, uốn

nắn vắn vật mà không bỏ sót”. Đối với “loại” (类), con người có nhận thức, tức đã nắm bắt được tính chung của sự vật, liền có thể diễn dịch suy luận, “dẫn nhi thân chi, xúc loại nhi trường chi - Dẫn mà mở rộng nó, chạm vào loại mà làm cho nó lớn lên”), dùng mô thức tượng số (象数图式) để đưa ra kết luận mới.

Quái tượng, ngũ hành trong *Hoàng đế nội kinh* là một hệ thống phân loại vận động, dùng để liên hệ tạng - phủ, mùa, phương hướng, sắc - vị, v.v., và được vận dụng như khung chẩn trị. Các thiên *Ngũ vận hành đại luận, Tàng khí pháp thời luận*,... liên tục triển khai phạm trù Ngũ hành như logic vận hành – quy loại – tương sinh/khắc của cơ thể. *Kim mộc thủy hỏa thổ, cánh quý cánh tiện, dĩ tri sinh tử, dĩ quyết thành bại, nhi định ngũ tạng chi khí* (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ - tương lúc có phần tôn quý, phần khi thấp hèn; nhờ đó biết sinh tử, quyết định thành bại, và định được khí của ngũ tạng (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tổ vấn 2005). Có thể thấy, *Hoàng đế nội kinh* đã ứng dụng lý thuyết ngũ hành để xây dựng khung chẩn trị. *Hoàng đế nội kinh* sử dụng phương pháp tư duy của *Chu dịch*, thủ tượng tỷ loại, thành lập ma trận quy chiếu cho tạng – phủ, kinh – lạc, khí – huyết.

3.3. Thiên – nhân hợp nhất: Nguyên lý đẳng cấu, tương ứng – cộng sinh

Hoàng đế nội kinh hệ thống hóa sinh lý – bệnh lý – trị liệu của con người theo tinh thần “thiên nhân hợp nhất” (天人合一). Tư tưởng Thiên – Nhân hợp nhất vốn đã có trong *Chu dịch*: *Quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến; quan hồ nhân văn, dĩ hóa thành thiên hạ* (Quan sát thiên văn

để xét sự biến đổi; quan sát nhân văn để cảm hóa thiên hạ) (Xem: Hoàng Thọ Kỳ và cộng sự 1999: 497). Tư tưởng này khuôn định mối liên hệ thiên văn – nhân văn. *Hoàng đế nội kinh* đưa nguyên tắc ấy vào sinh lý học cổ điển: *Nhân sinh ư địa, huyền mệnh ư thiên, thiên địa hợp khí, mệnh chi viết nhân* (Con người sinh từ đất, treo mệnh nơi trời, khí trời đất hợp lại gọi là người) (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tổ vấn 2005). Thảm Hiểu Hoa nhận định: “*Qua phân tích Tổ vấn, có thể thấy y học cổ đại Trung Hoa được xây dựng trên nền tảng Thiên – Nhân tương ứng và quan niệm chỉnh thể*” (Thảm Hiểu Hoa 2012: 72).

Về mặt học thuật đương đại, khi so sánh *Hoàng đế nội kinh* và *Đạo đức kinh*, Văn Lý cho rằng “đạo/đức – âm dương – tứ thời” tạo nên một đạo đức – sinh mệnh luận mang tính hệ thống; tư tưởng “天人相应” được nhắc lại “多处” trong *Hoàng đế nội kinh* như nguyên lý chỉ đạo dưỡng sinh – trị trị (Xem: Văn Lý 2023: 18–20). *Hoàng đế nội kinh* đã tạo nên một *quan niệm chỉnh thể về sinh mệnh* qua việc liên kết thiên thời, địa lý và nhân sự, điều này cũng tương ứng với triết lý của *Đạo đức kinh* (Xem: Văn Lý 2023: 18–19).

3.4. Tượng – số: Nguyên lý quy nạp – ánh xạ

Trong hệ thống triết học Trung Hoa cổ đại, *Chu dịch* là cội nguồn của phương pháp tượng – số (象与数), tức lấy hình tượng tự nhiên để quan sát, rồi gắn kết với con người thông qua mô hình số học, từ đó kiến lập một hệ thống lý luận khái quát về biến hóa. *Hoàng đế nội kinh* đã kế thừa trực tiếp phương pháp này,

nhưng thay vì dùng để dự báo cát hung, bộ sách đã chuyển hóa tượng – số thành cơ chế suy luận y học, làm cầu nối giữa vũ trụ và cơ thể, giữa thiên nhiên và tạng phủ. *Chu dịch* nổi bật với tư tưởng “取象比类” (lấy tượng làm ví dụ, lấy loại làm quy chiếu), tức dùng hình tượng tự nhiên để lý giải các quy luật phổ quát.

Trong *Chu dịch - Hệ từ thượng* viết: *Thánh nhân thiết quái quan tượng, hệ từ yên nhi minh cát hung* (Thánh nhân lập quái để quan sát hình tượng, gắn lời vào đó mà sáng rõ điều cát hung). Ở đây, “quan tượng” không chỉ là nhìn hình tượng thiên nhiên, mà là một hành vi nhận thức: lấy tự nhiên làm biểu tượng, gắn kết với số học (quẻ, hào), từ đó suy diễn quy luật vũ trụ. Đó là nguyên lý nền tảng: tượng là biểu hiện, số là quy luật.

Hoàng đế nội kinh tiếp thu nguyên lý này nhưng đặt trong bối cảnh y học. Các hiện tượng tự nhiên như phương vị, bốn mùa, ngũ hành được quy chiếu trực tiếp vào tạng phủ, kinh lạc, khí huyết. Trong *Hoàng đế nội kinh: Đông phương chi vực, thiên địa chi sở thủy sinh dã... Nam phương giả... kỳ dân hi toan nhi thực, cổ kỳ dân giai trí lý nhi xích sắc* (Vùng phương Đông là nơi trời đất bắt đầu sinh; vùng phương Nam, dân ưa vị chua nên sắc diện đỏ) (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tổ vấn 2005). Đoạn này cho thấy một chuỗi ánh xạ: phương Đông – sự sinh khởi – vị chua – sắc đỏ – thể chất dân cư. Đây không chỉ là mô tả dân tộc học, mà chính là biểu hiện của tư duy tượng – số: quy chiếu một hệ thống tự nhiên (phương vị, khí hậu, vị giác) vào một hệ thống nhân thể (tạng phủ, khí huyết, thể chất).

Hà đồ và Lạc thư có dấu ấn rõ ràng trong hệ thống lý luận của *Hoàng đế nội kinh*, đặc biệt là lý luận tỷ vị trong tạng tượng. *Hoàng đế nội kinh* đã xác lập quan niệm tỷ vị nằm ở trung tiêu. Sự xuất hiện của nó, ngoài kiến thức giải phẫu học, nội hàm y học của quan niệm “tỷ vị nằm ở trung tiêu” còn có mối liên hệ mật thiết với Hà đồ và Lạc thư khi đặt “số ngũ” (五数 - Ngũ số) của “thỏ” hoặc số thành “ngũ, thập” ở vị trí “trung ương”, từ đó xây dựng lý luận tỷ vị và ứng dụng lâm sàng. *Tổ Vấn · Kim Quỹ Chân Ngôn Luận* viết: Trung ương hoàng sắc, nhập thông vu tỷ, khai khiếu vu khẩu, tàng tinh vu tỷ, cố bệnh tại thiết bản... ứng tứ thời ... kỳ số ngũ - Trung ương màu vàng, vào thông với tỷ, khai khiếu ra miệng, tàng tinh ở tỷ, nên bệnh ở gốc lưỡi ... ứng với bốn mùa ... số của nó là năm) (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tổ vấn 2005); hoặc ứng dụng vào thực hành lâm sàng, chẳng hạn như “Xích phu chẩn pháp” (尺肤诊法 phép chẩn da vùng xích). Chẳng hạn, trong *Tổ Vấn · Mạch yếu tinh vi luận* viết: Trung phụ thượng, tả ngoại dĩ hầu can, nội dĩ hầu cách; hữu ngoại dĩ hầu vị, nội dĩ hầu tỷ - Phụ trên, trái ngoài để xem gan, trong để xem cách; phải ngoài để xem vị, trong để xem tỷ) (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tổ vấn 2005).

Hoàng đế nội kinh khẳng định: *Ngũ tạng ứng tứ thời, các hữu thu thụ, dĩ sinh trưởng hóa tàng vi thường* (Ngũ tạng ứng với bốn mùa, mỗi tạng có sự thu nhận riêng, lấy sinh – trưởng – hóa – thu – tàng làm quy luật thường hằng) (Xem: Hoàng đế nội kinh, Tổ vấn 2005). Có quan điểm cho rằng, *Hoàng đế nội kinh* đã “chuyển hóa “tượng” và “số”

thành phương pháp chẩn đoán và trị liệu” (Xem: Tôn Khả Hưng và cộng sự 2015: 80–83), phản ánh quá trình y học hóa Dịch học. Trong *Hoàng đế nội kinh*, những biểu thức như: Xuân mạch giả can dã, đông phương mộc dã, vạn vật chi sở dĩ thủy sinh dã – Mạch tượng mùa xuân thông với tạng can, thuộc mộc phương đông, có khí tượng vạn vật sinh trưởng (Xem: Hoàng đế nội kinh 2005) cho thấy ánh xạ tượng trưng giữa mùa – phương – tạng – khí, qua đó biến tượng (象) và số (数) thành công cụ suy luận chẩn trị. Cũng cần lưu ý đến yếu tố “ý tượng” (意象), xem đó là chìa khóa để hiểu *Tổ vấn* như một văn bản hệ thống, trong đó cơ thể con người được ánh xạ với các mô hình xã hội, chính trị và tự nhiên.

4. Kết luận

Có thể thấy, cơ sở triết học của *Chu dịch* trong *Hoàng đế nội kinh* gồm bốn trụ cột: Âm – Dương; quái tượng, ngũ hành; Thiên – Nhân hợp nhất; Tượng – Số. Chúng hợp thành nền móng triết học để *Hoàng đế nội kinh* xây dựng hệ thống y học chỉnh thể, tạo nên một hệ thống lý luận Y Dịch độc đáo của y học cổ truyền. Để hiểu sâu sắc phương thức tư duy, lý luận y học cổ truyền, chẩn trị, thực tiễn lâm sàng..., không thể không hiểu rõ nguyên lý triết học trong *Chu dịch*.

Tài liệu trích dẫn

1. Hoàng đế nội kinh. 2005. “Tổ vấn, Linh khu”. Bắc Kinh: Nhân dân y học xuất bản xã.
2. Hoàng Kiến Cương. 2020. “易经与中医认知思维方式的分析研究 - Analysis of the Cognitive Style Reflected in The Book of Changes and Traditional Chinese Medicine” (*Phân tích phương pháp tư duy nhận thức trong Trung y và*

Chu dịch) Trong: *Proceedings of the 4th International Conference on Language, Art and Cultural Exchange (ICLACE 2020)*. Paris: Atlantis Press.

3. Hoàng Thọ Kỳ, Trương Thiện Văn. 1999. *Chu dịch dịch chú* (Bản dịch của Vương Mộng Bưu, Nguyễn Trung Thuần). Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

4. Hoài Nam Tử. “Tu vụ huấn” (淮南子 • 修务训). (Tác phẩm cổ, không rõ năm xuất bản).

5. Thẩm Hiểu Hoa. 2012. “《黄帝内经素问：中国古代医学典籍中的自然、知识和意象》述介.” (*Hoàng đế nội kinh Tổ vấn: Bản chất, tri thức và ý nghĩa*). *Y học và Triết học (Medicine and Philosophy)*, 33(5A): 72.

6. Tôn Khả Hưng, Trương Hiểu Mang. 2015. “《黄帝内经》的系统思维方法探析 (Phân tích phương pháp tư duy hệ thống của Hoàng đế nội kinh)”. *工程研究——跨学科视野中的工程 (Engineering Research—Interdisciplinary Perspective on Engineering)*, 7(1): 76, 80–83.

7. Trương Thiện Văn. 1997. *Từ điển Chu dịch*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

8. Văn Lý. 2023. “《黄帝内经》与《道德经》的生命观及道德治理” (*Sinh mệnh quan và đạo đức trị lý trong Hoàng đế nội kinh và Đạo đức kinh*). *An Huy Khai Phóng Đại học học báo (Journal of Anhui Open University)*, (1): 18–20.

9. Vương Hồng Đồ. 2002. *内经讲义*. Nhân dân y học xuất bản xã. (*Nội kinh giảng nghĩa, Nhà xuất bản Y học nhân dân*).

10. Vương Hồng Đồ. 2016. *黄帝内经讲稿*. Bắc Kinh中医药大学. (*Hoàng đế nội kinh giảng thảo, Đại học Trung y được Bắc Kinh*).